

10 ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1 MÔN HÓA HỌC 9 CÓ ĐÁP ÁN

1. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Hóa học 9 số 1

SỞ GD VÀ ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THCS ĐINH TIÊN HOÀNG

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT CHƯƠNG 1
MÔN: HÓA HỌC- LỚP 9
NĂM HỌC: 2019- 2020

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Câu 1: Có các chất sau: Na_2O , Fe_2O_3 , CaO , SO_2 , CO_2 , H_2O . Những chất có thể điều chế bằng phản ứng hóa hợp là

- A. CaO , Fe_2O_3 , SO_2 , CO_2 , H_2O
- B. Fe_2O_3 , CaO , SO_2 , CO_2 , H_2O , Na_2O
- C. Na_2O , Fe_2O_3 , CO_2 , SO_2 , H_2O
- D. Na_2O , CaO , CO_2 , H_2O , Fe_2O_3

Câu 2: Khí CO có lẫn khí SO_2 và khí CO_2 . Có thể loại SO_2 , CO_2 bằng cách cho hỗn hợp qua

- A. lượng dư dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$
- B. dung dịch NaOH
- C. H_2O
- D. CuO nung mạnh

Câu 3: Trong phòng thí nghiệm K_2O rất khó bảo quản, vì K_2O

- A. rất dễ tác dụng với hơi nước và khí CO_2 trong không khí
- B. kém bền để bị ánh sáng phân hủy
- C. rất dễ tác dụng với khí O_2 trong không khí
- D. kém bền để bị phân hủy bởi nhiệt

Câu 4: Kim loại X tác dụng với dung dịch H_2SO_4 cho khí H_2 . Khí H_2 tác dụng oxit kim loại Y cho kim loại Y khi nung nóng. Cặp kim loại X – Y có thể là

- A. $\text{Zn} - \text{Cu}$
- B. $\text{Cu} - \text{Ag}$
- C. $\text{Ag} - \text{Pb}$
- D. $\text{Cu} - \text{Pb}$

Câu 5: Có thể phân biệt 2 chất rắn CaO , P_2O_5 bằng cách hòa tan từng chất vào nước, rồi thử dung dịch tạo ra với

- A. dung dịch HCl
- B. dung dịch NaOH
- C. kim loại Cu
- D. quỳ tím

Câu 6: Để tác dụng hết một lượng CaO người ta phải dùng một lượng nước bằng 60% khối lượng CaO đó. Tỷ lệ lượng nước đã dùng so với lượng nước theo phương trình hóa học là

- A. 2,24
- B. 2,63
- C. 1,87
- D. 3,12

Câu 7: Cho dãy các oxit: MgO , Fe_2O_3 , K_2O , SO_2 , CO_2 , NO . Số phản ứng xảy ra sau khi cho mỗi oxit lần lượt tác dụng với dung dịch HCl và dung dịch NaOH là

- A. 8
- B. 5
- C. 6
- D. 7

Câu 8: Chất cần dùng để điều chế Fe từ Fe_2O_3 là

- A. H_2
- B. CO_2
- C. H_2SO_4
- D. Al_2O_3

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9: (2 điểm) Chỉ dung một trong các chất: CuO, Cu, CO, SO₃, H₂O, SO₂, FeO để điền vào các chỗ trống trong sơ đồ sau:

1. _____ + H₂O → H₂SO₄
2. H₂O + _____ → H₂SO₃
3. _____ + HCl → CuCl₂ + H₂O
4. FeO + _____ → Fe + CO₂

Câu 10: (2 điểm) Viết các phương trình hóa học theo chuyển hóa sau (ghi rõ điều kiện nếu có): FeS₂ → SO₂ → SO₃ → H₂SO₄ → BaSO₄

Câu 11: (2 điểm) Lấy 10 g CaCO₃ và CaSO₄ tác dụng với dung dịch HCl dư tạo thành 0,56 lít khí (đktc). Tính thành phần % theo khối lượng mỗi muối trong hỗn hợp ban đầu. (Ca=40, C=12, O=16, S=32)

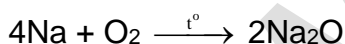
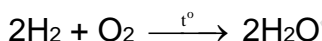
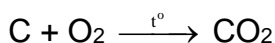
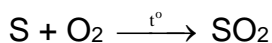
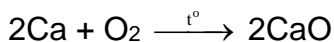
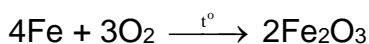
----- HẾT -----
ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	A	A	D	C	B	A

Câu 1: B

Fe₂O₃, CaO, SO₂, CO₂, H₂O, Na₂O

Các ví dụ:

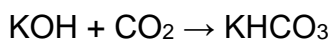
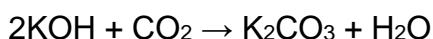
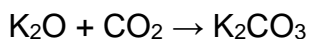


Câu 2: A

CO₂ và SO₂ là 2 oxit axit nên bị dung dịch Ca(OH)₂ tác dụng tạo muối. CO không tác dụng với dung dịch Ca(OH)₂ và không tan trong nước, thoát ra khỏi dung dịch.

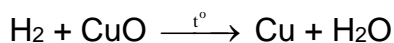
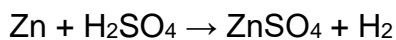
Câu 3: A

Do các phản ứng:



Câu 4: A

Các phản ứng:

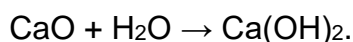


Câu 5: D

$\text{CaO} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{Ca(OH)}_2$. Dung dịch Ca(OH)_2 làm quỳ tím hóa xanh.

$\text{P}_2\text{O}_5 + 3\text{H}_2\text{O} \rightarrow 2\text{H}_3\text{PO}_4$. Dung dịch H_3PO_4 làm quỳ tím hóa đỏ.

Câu 6: C



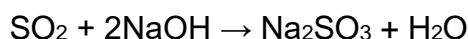
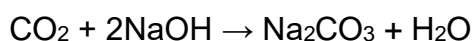
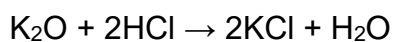
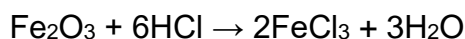
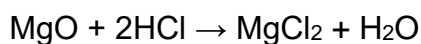
Cứ 56 gam CaO theo phương trình cần 18 gam nước.

Cũng cứ 56 gam CaO lượng nước đem dùng = $56 \cdot 0,6 = 33,6$ gam

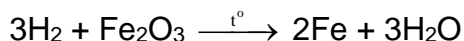
Lượng nước đã dùng so với lượng nước theo phương trình hóa học = $33,6/18 = 1,87$ g.

Câu 7: B

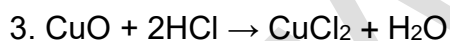
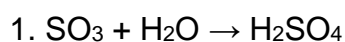
Phương trình hóa học:



Câu 8: A



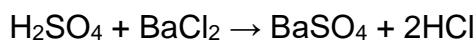
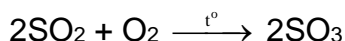
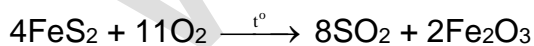
Câu 9:



Viết đúng mỗi phương trình 0,5 điểm.

Câu 10:

Viết các phương trình hóa học theo chuyển hóa sau (ghi rõ điều kiện nếu có):



Viết đúng mỗi phương trình 0,5 điểm.

Câu 11:



CaSO_4 không tác dụng với dung dịch HCl .

$$n_{\text{CO}_2} = 0,56/22,4 = 0,025 \text{ mol}$$

$$\Rightarrow n_{\text{CaCO}_3} = 0,025 \text{ mol}$$

$$\Rightarrow m_{\text{CaCO}_3} = 0,025 \times 100 = 2,5 \text{ gam.}$$

Thành phần % theo khối lượng của $\text{CaCO}_3 = (2,5/10)/100\% = 25\%$

2. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Hóa học 9 số 2

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS NGUYỄN CHÍ THANH

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT CHƯƠNG 1
MÔN: HÓA HỌC - LỚP 9
NĂM HỌC: 2019- 2020

Câu 1: (2 điểm) Cho các oxit: P_2O_5 , CO_2 , SO_2 , CaO , Na_2O .

Oxit nào có khả năng tác dụng với nhau? Viết phương trình hóa học.

Câu 2: (1,5 điểm) Hòa tan BaO vào nước thu được dung dịch làm phenolphthalein chuyển thành màu hồng. Giải thích và viết phương trình hóa học.

Câu 3: (2,5 điểm) Chọn hóa chất thích hợp và viết phương trình hóa học để loại các khí SO_2 và CO_2 ra khỏi hỗn hợp khí CO .

Câu 4: (1,5 điểm) Dung dịch chứa những chất nào khi cho hỗn hợp CuO và Fe_2O_3 vào dung dịch HCl dư? Viết phương trình hóa học.

Câu 5: (2,5 điểm) Cho phương trình hóa học: $\text{Zn} + \text{CuSO}_4 \rightarrow \text{Cu} + \text{ZnSO}_4$.

Tính khối lượng Cu bám lên thanh kẽm, khi khối lượng dung dịch tăng 0,2 gam ($\text{Cu}=64$, $\text{Zn}=65$).

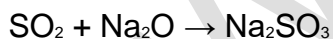
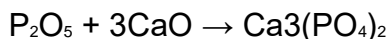
----- HẾT -----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI

Câu 1:

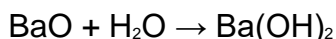
P_2O_5 tác dụng được với CaO , Na_2O .

CO_2 và SO_2 tác dụng được với CaO và Na_2O .



Câu 2:

BaO là oxit bazo tác dụng với nước cho dung dịch bazo làm cho phenolphthalein chuyển màu hồng, theo phương trình hóa học:

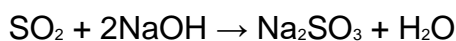


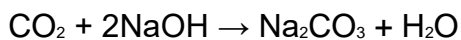
Câu 3:

Sử dụng các dung dịch kiềm, với lượng dư. Ví dụ NaOH , $\text{Ca}(\text{OH})_2, \dots$

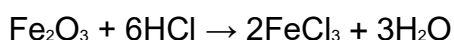
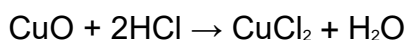
CO không tác dụng với dung dịch kiềm.

Phương trình hóa học:





Câu 4:



Câu 5:

Theo phương trình hóa học: $\text{Zn} + \text{CuSO}_4 \rightarrow \text{Cu} + \text{ZnSO}_4$

Cứ 65g Zn tan vào dung dịch tạo ra 64g Cu, khối lượng dung dịch tăng 1g.

Khi khối lượng của dung dịch tăng 0,2 gam thì khối lượng Cu bám lên bản kẽm = $(0,2 \times 64)/1 = 12,8$ (g).

3. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Hóa học 9 số 3

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS NGUYỄN KHUYẾN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT CHƯƠNG 1
MÔN: HÓA HỌC - LỚP 9
NĂM HỌC: 2019- 2020

Câu 1: (2 điểm) Giấy quỳ tím chuyển màu gì khi nhúng vào dung dịch được tạo thành từ

a) 0,5 mol H_2SO_4 và 1 mol NaOH

b) 2 mol HCl và 1 mol KOH?

Câu 2: (1 điểm) Phản ứng: $\text{BaCl}_2 + \text{Na}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{BaSO}_4 + 2\text{NaCl}$ được gọi là phản ứng gì?

Câu 3: (2 điểm) Vì sao K_2O tan được trong nước?

Câu 4: (2 điểm) Đốt hỗn hợp bột S và Zn trong bình kín theo tỉ lệ 1 : 2 về khối lượng. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được chất rắn X.

Xác định thành phần của chất rắn X ($\text{Zn} = 65, \text{S} = 32$).

Câu 5: (3 điểm) Cho 1,52 g hỗn hợp hai kim loại (có hóa trị II) tác dụng hết với dung dịch H_2SO_4 loãng, dư thấy có 0,336 lít khí thoát ra (ở đktc).

Tính khối lượng hỗn hợp muối sunfat khan thu được ($\text{H} = 1, \text{S} = 32, \text{O} = 16$).

----- HẾT -----

Câu 1:



$n_{\text{NaOH}} = 2n_{\text{H}_2\text{SO}_4}$ đúng theo phương trình. Sau phản ứng chỉ có Na_2SO_4 , nên môi trường trung tính không làm đổi màu quỳ tím.

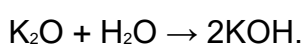


$n_{\text{HCl}} > n_{\text{KOH}}$: HCl dư, quỳ tím chuyển màu đỏ.

Câu 2:

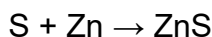
Phản ứng trao đổi, do thành phần phân tử các chất không đổi.

Câu 3:



KOH tan mạnh trong nước, nên K_2O tan được trong nước.

Câu 4:



$$n_S : n_{Zn} = 1/32 : 2/65$$

Với tỉ lệ đó so với tỉ lệ mol của phương trình thì sau phản ứng S dư.

Nên sản phẩm là ZnS và S.

Câu 5:



Nhận xét: n_{SO_4} luôn luôn = $n_{H_2} = 0,015$ mol

$$\Rightarrow m_{MSO_4} = m_M + m_{SO_4} = 1,52 + 96 \times 0,015 = 2,96 \text{ gam.}$$

4. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Hóa học 9 số 4

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT CHƯƠNG 1
MÔN: HÓA HỌC - LỚP 9
NĂM HỌC: 2019- 2020

Câu 1: (2 điểm) Cho 0,8 g CuO tác dụng với 30 ml dung dịch H_2SO_4 1M.

Xác định các chất có mặt trong dung dịch thu được sau phản ứng, kèm theo số mol của chúng (Cu=64, O=16).

Câu 2: (2 điểm) Chọn 4 loại oxit được điều chế trực tiếp mà không xuất phát từ khí oxi. Cho ví dụ cụ thể.

Câu 3: (2 điểm) Tính khối lượng dung dịch HCl 7,3% cần để hòa tan hết 24 g hỗn hợp gồm CuO và Fe_2O_3 có số mol bằng nhau (H=1, Cu=64, Fe=56, O=16, Cl=35,5).

Câu 4: (3 điểm) Có 3 bình: bình 1 đựng CuO và Cu, bình 2 đựng Fe và FeO, bình 3 đựng MgO và FeO. Chỉ dùng dung dịch H_2SO_4 , hãy nhận biết mỗi bình bằng phương pháp hóa học.

Câu 5: (1 điểm) Hỗn hợp X chứa 2 khí CO và H_2 , hỗn hợp Y chứa 2 khí N_2 và CO_2 ở cùng điều kiện. Hãy so sánh tỉ khối của hỗn hợp X với tỉ khối của hỗn hợp Y.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI

Câu 1:



$$n_{CuO} = 0,8:80 = 0,01 \text{ mol}$$

$$n_{H_2SO_4} = 0,03.1 = 0,03 \text{ mol}$$

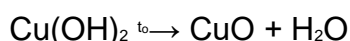
Theo phương trình hóa học: Số mol CuO phản ứng = số mol H_2SO_4 phản ứng $\rightarrow H_2SO_4$ dư.

$$\text{Số mol } H_2SO_4 \text{ dư} = 0,03 - 0,01 = 0,02 \text{ mol.}$$

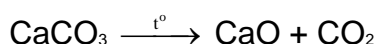
Dung dịch thu được sau phản ứng có 0,02 mol H_2SO_4 và 0,01 mol $CuSO_4$.

Câu 2:

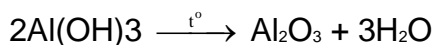
Oxit bazơ. Ví dụ CuO từ phản ứng:



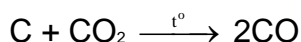
Oxit axit. Ví dụ CO_2 từ phản ứng:



Oxit lưỡng tính. Ví dụ Al_2O_3 từ phản ứng:



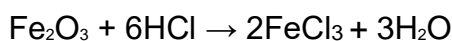
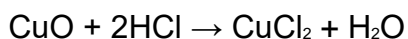
Oxit trung tính. Ví dụ CO từ phản ứng:



Câu 3:

Gọi x là số mol của CuO hay của Fe_2O_3 , ta có: $80x + 160x = 24$

Suy ra $x = 0,1$ mol



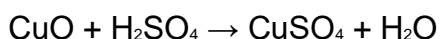
Số mol HCl cần = $8x = 0,8$ mol. Khối lượng HCl = $0,8 \cdot 36,5 = 29,2$ gam.

Khối lượng dung dịch HCl 7,3% = $(29,2 \cdot 100) / 7,3 = 400$ gam.

Câu 4:

- Hỗn hợp chỉ tan một phần trong dung dịch H_2SO_4 dư là hỗn hợp (1).

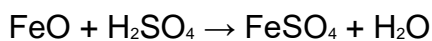
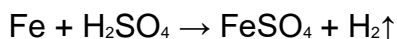
Phương trình hóa học:



Cu không tan trong H_2SO_4 loãng.

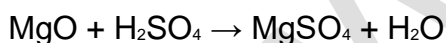
- Hỗn hợp tan hết trong dung dịch H_2SO_4 dư, và có hiện tượng sủi bọt là hỗn hợp (2)

Phương trình hóa học:



- Hỗn hợp tan hết trong dung dịch H_2SO_4 dư và không có hiện tượng sủi bọt là hỗn hợp (3).

Phương trình hóa học:



Câu 5:

Do khối lượng phân tử của CO bằng khối lượng phân tử của N_2 . Hỗn hợp X có chứa H_2 nhẹ hơn hỗn hợp Y có CO_2

Vậy tỉ khối của hỗn hợp X bé hơn tỉ khối hỗn hợp Y.

5. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Hóa học 9 số 5

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT CHƯƠNG 1
MÔN: HÓA HỌC - LỚP 9
NĂM HỌC: 2019- 2020

Câu 1: (1,5 điểm) Viết phương trình hóa học khi H_2SO_4 đặc, đun nóng tác dụng với Cu. Có hiện tượng gì để biết phản ứng đã xảy ra?

Câu 2: (2 điểm) Chỉ dùng dung dịch H_2SO_4 loãng hãy nhận ra các chất rắn được đựng riêng trong mỗi bình: CaO, MgO, MgCO_3 .

Câu 3: (2 điểm) Tính nồng độ mol của dung dịch tạo ra khi hòa tan 4,7 g K_2O vào nước. Cho biết thể tích dung dịch thu được là 100 ml ($K=39$, $O=16$).

Câu 4: (2 điểm) Viết công thức các oxit ứng với hóa trị cao nhất của các nguyên tố sau: Na, Al, Fe, Cu, Hg, Cl, S, Cr.

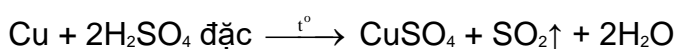
Câu 5: (2,5 điểm) Đốt hỗn hợp bột S và Zn trong bình kín theo tỉ lệ 1 : 2,5 về khối lượng. Sau khi phản ứng hoàn toàn thu được chất rắn X. Cho X phản ứng với dung dịch HCl dư thu được khí Y.

Xác định thành phần của khí Y ($S=32$, $Zn=65$).

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI

Câu 1:



Có khí không màu, mùi hắc thoát ra.

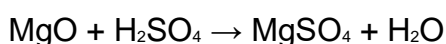
Để nguội người ta thêm nước cất vào sẽ cho dung dịch có màu xanh.

Câu 2:

Chất tan hoàn toàn và có hiện tượng sủi bọt khí là $MgCO_3$.



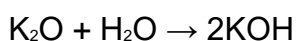
Chất tan hoàn toàn tạo ra dung dịch trong suốt là MgO.



Chất tan không hoàn toàn tạo ra dung dịch vẩn đục là CaO.



Câu 3:



Số mol K_2O là $4,7 : 94 = 0,05$ mol

Số mol KOH là: $n_{KOH} = 2.n_{K_2O} = 2 \times 0,05 = 0,1$ mol

Nồng độ mol của KOH = $0,1 : 0,1 = 1$ (M).

Câu 4:

Na_2O , Al_2O_3 , Fe_2O_3 , CuO , HgO , Cl_2O_7 , SO_3 , CrO_3 .

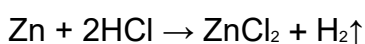
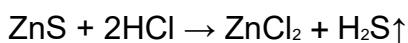
Câu 5:

Tỉ lệ số mol của S và Zn = $1/32 : 2,5/65$

Phương trình hóa học: $S + Zn \xrightarrow{t^\circ} ZnS$

$n_S < n_{Zn} \Rightarrow Zn$ dư.

Chất X gồm: ZnS và Zn



Khí Y gồm: H_2S , H_2 .

6. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Hóa học 9 số 6**SỞ GD&ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU****ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT CHƯƠNG 1
MÔN: HÓA HỌC - LỚP 9
NĂM HỌC: 2019- 2020****I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

Hãy khoanh tròn vào chữ cái chỉ đáp án đúng trong các câu sau đây.

Câu 1. CO₂ không phản ứng với chất nào trong các chất sau?

- A. dung dịch NaOH
- B. dung dịch Ca(OH)₂
- C. CaO
- D. dung dịch HCl

Câu 2. Cặp chất nào sau đây có thể dùng để điều chế SO₂ trong phòng thí nghiệm?

- A. Al và H₂SO₄ loãng
- B. NaOH và dung dịch HCl
- C. Na₂SO₄ và dung dịch HCl
- D. Na₂SO₃ và dung dịch HCl

Câu 3. Chất nào sau đây khi phản ứng với nước tạo thành dung dịch mang tính axit ?

- A. CaO
- B. Ba
- C. SO₃
- D. Na₂O

Câu 4. Chất nào sau đây không phản ứng với dung dịch HCl

- A. Fe
- B. Fe₂O₃
- C. SO₂
- D. Mg(OH)₂

Câu 5. Cho 6,5 gam Zn vào dung dịch HCl dư. Hỏi thể tích khí thu được từ phản ứng ở đktc là bao nhiêu? (cho Zn=65)

- A. 1,12 lit
- B. 2,24 lit
- C. 3,36 lit
- D. 22,4 lit

Câu 6. Cặp chất nào sau đây có thể dùng để điều chế khí H₂

- A. Al và H₂SO₄ loãng
- B. Al và H₂SO₄ đặc nóng
- C. Cu và dung dịch HCl

D. Fe và dung dịch CuSO_4

Câu 7. Dãy oxit nào sau đây vừa tác dụng với nước, vừa tác dụng với dung dịch bazơ

- A. CaO , CuO
- B. CO , Na_2O
- C. CO_2 , SO_2
- D. P_2O_5 , MgO

Câu 8. Lưu huỳnh đioxit được tạo thành từ cặp chất nào sau đây?

- A. Na_2SO_3 và H_2O
- B. Na_2SO_3 và NaOH
- C. Na_2SO_4 và HCl
- D. Na_2SO_3 và H_2SO_4

Câu 9. Chất nào sau đây được dùng để sản xuất vôi sống

- A. CaCO_3
- B. NaCl
- C. K_2CO_3
- D. Na_2SO_4

Câu 10. Phản ứng giữa dung dịch HCl và NaOH là phản ứng

- A. Hóa hợp
- B. Trung hòa
- C. Thế
- D. Phân hủy

Câu 11. Trong công nghiệp, sản xuất axit sunfuric qua mấy công đoạn

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 12. Oxit vừa tan trong nước vừa hút ẩm là:

- A. SO_2
- B. CaO
- C. Fe_2O_3
- D. Al_2O_3

Câu 13. Cặp chất nào sau đây tác dụng với nhau sinh ra chất khí cháy trong không khí với ngọn lửa màu xanh?

- A. $\text{Zn} + \text{HCl}$
- B. $\text{ZnO} + \text{HCl}$

C. $\text{Zn(OH)}_2 + \text{HCl}$

D. $\text{NaOH} + \text{HCl}$

Câu 14. Cặp chất nào sau đây xảy ra phản ứng:

A. $\text{Na}_2\text{O} + \text{NaOH}$

B. $\text{Cu} + \text{HCl}$

C. $\text{P}_2\text{O}_5 + \text{H}_2\text{SO}_4$ loãng

D. $\text{Cu} + \text{H}_2\text{SO}_4$ đặc, nóng

Câu 15. Để loại bỏ khí CO_2 có lẫn trong hỗn hợp O_2 và CO_2 . Người ta cho hỗn hợp đi qua dung dịch chứa

A. HCl

B. Na_2SO_4

C. NaCl

D. Ca(OH)_2

Câu 16. Oxit nào sau đây tác dụng với nước tạo thành dung dịch bazơ

A. SO_2

B. Na_2O

C. CO

D. Al_2O_3

Câu 17. Axit sunfuric loãng tác dụng được với dãy chất nào sau đây ?

A. Zn , CO_2 , NaOH

B. Zn , Cu , CaO

C. Zn , H_2O , SO_3

D. Zn , NaOH , Na_2O

Câu 18. Trung hòa 100ml dd HCl cần vừa đủ 50 ml dd NaOH 2M. Hãy xác định nồng độ mol dd HCl đã dùng:

A. 2M

B. 1M

C. 0,1M

D. 0,2M

Câu 19. Cho sơ đồ phản ứng: $\text{Na}_2\text{SO}_3 + \text{HCl} \rightarrow \text{NaCl} + \text{X} + \text{H}_2\text{O}$. Hỏi X là chất nào trong số các chất cho sau đây:

A. SO_2

B. SO_3

C. CO_2

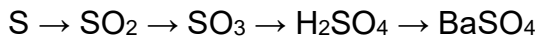
D. O_2

Câu 20. Dung dịch HCl phản ứng được với dãy chất:

- A. Fe, Cu, SO₂,
 B. NaOH, CO₂,
 C. Mg, CuO, Cu(OH)₂
 D. Fe, Cu, H₂SO_{4(l)}

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1:(2 điểm) Hoàn thành sơ đồ phản ứng, ghi rõ điều kiện nếu có



Câu 2:(3 điểm) Hòa tan 9,2g hỗn hợp gồm: Mg và MgO vào dung dịch HCl vừa đủ. Sau phản ứng thu được 1,12 lít khí ở đktc.

a) Viết PTHH

b) Tính khối lượng Mg và MgO trong hỗn hợp đầu.

(Cho Mg = 24; Cl= 35,5; H = 1; O = 16;)

----- HẾT -----

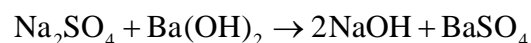
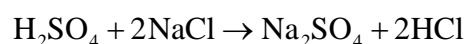
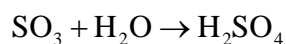
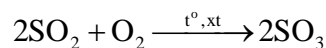
ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm) Mỗi đáp án đúng 0.25 điểm

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
D	D	C	C	B	A	C	D	A	B	C	B	A	D	D	B	D	B	A	C

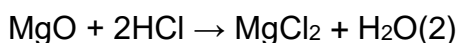
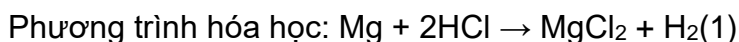
II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1:(2 điểm) Mỗi phương trình viết đúng 0,5 điểm



Câu 2:(3 điểm)

a) (2 điểm)



$$n_{H_2} = 0,05 \text{ (mol)}$$

$$b) \text{ (1 điểm) } m_{Mg} = 0,05 \cdot 24 = 1,2(g) \Rightarrow m_{MgO} = 9,2 - 1,2 = 8 \text{ g}$$

7. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Hóa học 9 số 7

SỞ GD&ĐT HƯNG YÊN
 TRƯỜNG THCS NGUYỄN THÁI HỌC

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT CHƯƠNG 1
 MÔN: HÓA HỌC - LỚP 9
 NĂM HỌC: 2019- 2020

I. TRẮC NGHIỆM (4đ)

Hãy khoanh tròn vào một trong các chữ cái A,B,C,D đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Phản ứng giữa H_2SO_4 với $NaOH$ là phản ứng

A. trung hoà B. phân huỷ C. thế D. hoá hợp

Câu 2: Dãy chất gồm những Oxít tác dụng được với axit là

A. CO_2 , P_2O_5 , CaO B. FeO , NO_2 , SO_2
C. CO_2 , P_2O_5 , SO_2 D. CaO , K_2O , CuO

Câu 3: Chất khí tác dụng với dung dịch HCl tạo ra một dung dịch có màu vàng nâu là

A. Cu B. Fe C. Fe_2O_3 D. ZnO

Câu 4: Những nhóm oxít tác dụng được với nước là:

A. CO_2 , FeO , BaO B. Na_2O , CaO , CO_2
C. CaO , CuO , SO_2 D. SO_2 , Fe_2O_3 , BaO

Câu 5: Phân biệt hai dung dịch HCl và H_2SO_4 người ta dùng:

A. CuO B. $Fe(OH)_2$ C. Zn D. $Ba(OH)_2$

Câu 6: Khí SO_2 được điều chế từ cặp phản ứng

A. K_2SO_3 và KOH B. H_2SO_4 đặc, nguội và Cu
C. Na_2SO_3 và HCl D. Na_2SO_4 và H_2SO_4

Câu 7: Chất khí tác dụng với dung dịch H_2SO_4 tạo ra dung dịch có màu xanh lam là

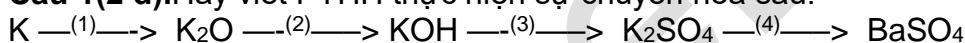
A. $Cu(OH)_2$
B. $BaCl_2$
C. $NaOH$
D. Fe

Câu 8: Để làm khô hỗn hợp khí CO_2 và SO_2 có lẫn hơi nước, người ta dùng:

A. CaO B. H_2SO_4 đặc C. Mg D. HCl

II. TỰ LUẬN (6đ)

Câu 1(2 đ). Hãy viết PTHH thực hiện sự chuyển hóa sau:



Câu 2 (1đ). Hãy trình bày phương pháp hóa học để nhận biết hai chất rắn màu trắng là: Na_2O và P_2O_5 . Viết PTPƯ minh họa.

Câu 3 (3 đ). Trung hòa vừa đủ 500ml dung dịch $Ba(OH)_2$ 1M với dung dịch H_2SO_4 15%. Sau khi phản ứng kết thúc thấy tạo ra chất kết tủa màu trắng. Hãy :

- Viết PTHH xảy ra.
 - Tính khối lượng dung dịch H_2SO_4 đã dùng.
 - Tính khối lượng chất kết tủa thu được.
- (Cho $Ba = 137$, $H = 1$, $O = 16$, $S = 32$)

----- HẾT -----

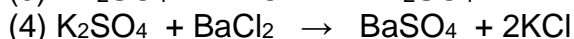
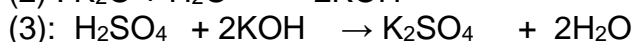
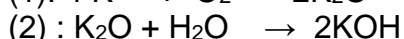
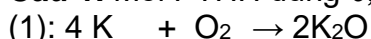
ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI

I. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	C	B	D	C	A	B

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Mỗi PTHH đúng 0,5đ (sai hệ số -0,25đ)



Câu 2. Lấy mỗi ít trong hai chất ra hai ống nghiệm, cho nước vào. Sau đó, dùng quỳ tím nhúng vào dung dịch chất tạo thành. Nếu :

- Quỳ tím chuyển màu xanh $\Rightarrow Na_2O$. $Na_2O + H_2O \rightarrow 2NaOH$ 0,5đ

- Quỳ tím chuyển màu hồng $\Rightarrow P_2O_5$. $P_2O_5 + 3H_2O \rightarrow 2H_3PO_4$ 0,5 đ

Câu 3.

- a) PTHH : $Ba(OH)_2 + H_2SO_4 \rightarrow BaSO_4 + 2H_2O$ (1) 0,5 đ
 0,5mol 0,5 mol 0,5mol 0,5 đ
- b) Ta có : $n_{Ba(OH)_2} = 1.0,5 = 0,5 \text{ mol}$ (TVPU) 0,5 đ
 $m_{H_2SO_4} = 0,5.98 = 49 \text{ g}$ 0,5 đ
 Vậy $m_{dd H_2SO_4} = (49.100)/15 = 326,7 \text{ g}$ 0,5 đ
- c) $m_{BaSO_4} = 0,5. 233 = 116,5 \text{ g}$ 0,5 đ

8. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Hóa học 9 số 8

SỞ GD&ĐT TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN NGHỊ

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT CHƯƠNG 1
MÔN: HÓA HỌC - LỚP 9
NĂM HỌC 2019- 2020

Câu 1: (1 điểm) Trong các oxit sau oxit nào là oxit bazơ?

- A. SO_2 B. CuO C. Al_2O_3 D. CO

Câu 2: (1 điểm) Để phân biệt các oxit: Na_2O , P_2O_5 , CaO người ta có thể dùng

A. nước và quỳ tím

B. dung dịch HCl

Câu 1: Dãy các chất nào sau đây tan được trong nước?

Câu 2: Sơ đồ nào sau đây được dùng để biểu thị sự chuyển hóa trực tiếp giữa các chất?

Câu 3: Tổng hệ số cân bằng tối giản của phương trình hóa học.

Là:

A.6 B.7

C.8 D.9.

Câu 4: Dung dịch H_2SO_4 đặc nguội:

A. có tính hút nước mạnh.

B. có thể tác dụng với bạc, đồng.

C. có thể tác dụng với sắt.

D. tan vô hạn trong nước tỏa rất nhiều nhiệt.

Chọn câu **Sai**.

Câu 5: Có 4 chất đựng riêng biệt trong 4 ống nghiệm như sau: CuO , Fe_2O_3 , Cu , Al .

Thêm vào mỗi ống nghiệm một lượng dung dịch axit clohidric. Các chất có phản ứng là:

Câu 6: Có những chất sau: H_2O , $NaOH$, CO_2 , Na_2O . Số cặp chất có thể phản ứng với nhau là:

A.2 B.3

C.4 D.5.

Câu 7: Cho 10 gam Cu vào 250 gam dung dịch $AgNO_3$ 4%. Khi lượng $AgNO_3$ trong dung dịch giảm 17% so với ban đầu thì khối lượng kim loại sau phản ứng sẽ là:

A.11,4 gam B.11,08 gam.

C.10,76 gam D.9,68 gam.

Câu 8: Có 2 dung dịch không màu là $Ca(OH)_2$ và $NaOH$. Để phân biệt 2 dung dịch này bằng phương pháp hóa học phải dùng:

A. dung dịch HCl

B. khí CO_2

C. phenolphthalein.

D. quỳ tím.

Câu 9: Kim loại X tác dụng với H_2SO_4 loãng cho khí H_2 và tạo muối của kim loại hóa trị III. Kim loại X là:

A. Cu

B. Na

C.Al D.Fe.

Câu 10: Hòa tan hoàn toàn 0,575 gam một kim loại kiềm vào nước. Để trung hòa dung dịch được cần 25 gam dung dịch HCl 3,65%.

Đây là kim loại (Li = 7, Na = 23, K = 39, Rb = 85, H = 1, Cl = 35,5).

A.Li. B.Na.

C.K D.Rb.

Câu 11. Dung dịch $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ lẫn tạp chất AgNO_3 . Có thể dùng kim loại nào sau đây để làm sạch dung dịch $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$?

A.Mg B.Cu

C.Fe D.Ag.

Câu 12: Cho phương trình hóa học sau: $\text{Na}_2\text{CO}_3 + 2\text{HCl} \rightarrow \text{NaCl} + \text{X}$. X là:

A.CO B. Cl_2

C. CO_2 D. NaHCO_3 .

Câu 13. Dãy kim loại đều phản ứng với nước ở nhiệt độ thường là:

A.Na, Fe B.K, Na

C.Al, Cu D.Mg, K.

Câu 14: Có 2 chất bột khan trắng CaO và Al_2O_3 thuốc thử để phân biệt được 2 chất bột là:

A.dung dịch HCl

B.NaCl

C. H_2O

D.giấy quỳ tím khô.

Câu 15: Cho 7,28 gam một kim loại hóa trị II, tác dụng hoàn toàn với dung dịch HCl thu được 2,912 lit khí (đktc).

Đó là kim loại (Zn = 65, Fe = 56, Cu = 64, Cd = 112)

A.Zn B.Fe

C.Cu D.Cd.

Câu 16: Đơn chất khi tác dụng được với dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng chỉ sinh ra một chất khí và hơi nước là:

A.S B.Fe

C.Cu D.Ag.

Câu 17: Trong phản ứng:

Fe_2O_3 là chất:

A.oxi hóa.

B.chất khử

C.vừa là chất oxi hóa vừa là chất khử

D.tạo muối.

Câu 18: Khí SO_2 tác dụng được với dung dịch NaOH vì:

A.Khí SO_2 có tính axit.

B.NaOH tan mạnh trong nước.

C.Đó là một phản ứng hóa hợp.

D.Có khả năng tạo muối trung hòa.

Câu 19: Biết ở 25 độ C độ tan của NaCl là 36 gam. Cũng ở 25 độ C khi thêm 1 gam NaCl vào 100 gam dung dịch đó thì:

A.không có NaCl được tách khỏi dung dịch.

B.có 1 gam NaCl tách ra khỏi dung dịch.

C.có 36 gam NaCl tách ra khỏi dung dịch.

D.có 37 gam NaCl tách ra khỏi dung dịch.

Câu 20: Có các khí sau: CO, CO_2 , H_2 , Cl_2 , N_2 .

Nhóm gồm các khí đều cháy được trong không khí là:

A.CO, CO_2

- B.CO, H₂.
C.N₂, CO₂.
D.H₂, CO₂.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI

1. Đáp án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	D	C	C	D	C	C	B	C	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	D	B	C	B	A	A	A	B	B

2. Lời giải

Câu 1: (D)

CaCl₂, Na₃PO₄, NaNO₃, CuSO₄.

Câu 2: (D)

Câu 3: (C)

Câu 4: (D)

Dung dịch H₂SO₄ đặc nguội không tác dụng với sắt.

Câu 5: (D)

Câu 6: (C)

Câu 7: (C)

Khối lượng Ag sinh ra = 0,01.108 = 1,08 gam.

Khối lượng Cu tan = 0,005.64 = 0,32 gam.

Khối lượng kim loại sau phản ứng = 10 + 1,08 – 0,32 = 10,76 gam.

Câu 8: (B)

Sục khí CO₂ vào dung dịch không màu, dung dịch tạo kết tủa là dung dịch Ca(OH)₂.

Câu 9: (C)

$2Al + 3H_2SO_4 \rightarrow Al_2(SO_4)_3 + 3H_2$

Câu 10: (B)

M là Na.

Câu 11: (B)

$Cu + 2AgNO_3 \rightarrow Cu(NO_3)_2 + 2Ag$.

Với Mg hay Fe tác dụng với cả hai dung dịch Cu(NO₃)₂, AgNO₃ cho hỗn hợp nhiều chất, không thu được dung dịch Cu(NO₃)₂ sạch. Ag không tác dụng với cả 2 dung dịch Cu(NO₃)₂, AgNO₃.

Câu 12: (D)

$Na_2CO_3 + 2HCl \rightarrow NaCl + NaHCO_3$ (X)

Câu 13: (B)

K, Na là những kim loại hoạt động mạnh.

Câu 14: (C)

CaO tác dụng với H₂O tỏa nhiều nhiệt, tạo ra Ca(OH)₂ tan một phần trong nước.

Al₂O₃ không tác dụng với H₂O không tan trong nước.

Với dung dịch HCl: CaO và Al₂O₃ đều tác dụng tạo ra dung dịch không màu.

NaCl (rắn) và giấy quỳ tím khô không tác dụng với CaO và Al₂O₃.

Câu 15: (B)

Câu 16: (A)

Câu 17: (A)

Trong phản ứng: $\text{Fe}_2\text{O}_3 + 3\text{CO} \xrightarrow{t^\circ} 2\text{FeO} + 3\text{CO}_2$

Fe_2O_3 là chất nhường oxi cho CO.

Câu 18: (A)

SO_2 có tính axit (oxit của một phi kim).

Câu 19: (B)

Dung dịch đang ở trạng thái bão hòa nên khi thêm chất tan thì chất tan không tan thêm được nữa. Do đó lượng NaCl tách ra khỏi dung dịch cũng 1 gam.

Câu 20: (B)

$2\text{CO} + \text{O}_2 \xrightarrow{t^\circ} 2\text{CO}_2$

$2\text{H}_2 + \text{O}_2 \xrightarrow{t^\circ} 2\text{H}_2\text{O}$

9. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Hóa học 9 số 9

SỞ GD&ĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THCS LÊ VĂN TÂM

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT CHƯƠNG 1
MÔN: HÓA HỌC - LỚP 9
NĂM HỌC 2019- 2020

Câu 1: Phương trình phản ứng nào sau đây viết sai?

- A. $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3 + 6\text{NaOH} \rightarrow 2\text{Fe}(\text{OH})_3 + 3\text{Na}_2\text{SO}_4$
- B. $\text{Cu} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CuCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$
- C. $2\text{Fe} + 6\text{H}_2\text{SO}_4(\text{đặc}) \rightarrow \text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3 + 3\text{SO}_2 + 6\text{H}_2\text{O}$
- D. $\text{Na}_2\text{SO}_4 + \text{BaCl}_2 \rightarrow \text{BaSO}_4 + 2\text{NaCl}$

Câu 2: Có các chất: Al, Fe, CuO, MgSO_4 đựng riêng biệt trong từng bình. Cho lần lượt từng chất vào dung dịch HCl. Số phản ứng xảy ra là:

- A.2
- B.1
- C.3
- D.4.

Câu 3: Trộn 0,1 mol AgNO_3 với 0,1 mol HCl, dung dịch tạo ra làm quỳ tím đổi sang

- A.màu đỏ
- B.màu xanh
- C.không màu
- D.màu trắng.

Câu 4: Thể tích khí CO_2 bay ra (đktc) khi cho 12,6 gam NaHCO_3 tác dụng với một lượng dư dung dịch HNO_3 là (H = 1, C = 12, O = 16, Na = 23)

- A.3,36 lít
- B.5,6 lít
- C.2,24 lít
- D.1,12 lít.

Câu 5: Cặp chất nào sau đây tác dụng với nhau tạo thành muối kết tủa?

- A. Na_2O và dung dịch H_2SO_4
- B. CuSO_4 và dung dịch BaCl_2
- C. NaOH và dung dịch H_2SO_4
- D. NaOH và dung dịch BaCl_2 .

Câu 6: Để xác minh sự có mặt của khí SO_2 trong một hỗn hợp gồm các khí: SO_2 , NO , CO ta cho hỗn hợp sục vào nước cô trong dư, nếu có kết tủa trắng xuất hiện chứng tỏ trong hỗn hợp đó có mặt SO_2 . Hãy chọn một trong số các chất sau để thay cho nước vôi trong (vẫn tạo kết tủa trắng)

- A. dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$.
- B. dung dịch Na_2CO_3 .
- C. dung dịch NaOH .
- D. dung dịch NaHSO_3 .

Câu 7: Các oxit ZnO , CuO , Fe_2O_3 tác dụng với dung dịch axit vì:

- A. đó là những oxit lưỡng tính.
- B. chúng không tan trong nước.
- C. đó là những oxit có tính bazơ.
- D. chúng không phải là oxit của kim loại hoạt động mạnh.

Câu 8: Dãy các kim loại được sắp xếp đúng theo chiều hoạt động hóa học giảm dần là:

- A. Al , Fe , Cu , Ag .
- B. Cu , Fe , Ag , Al .
- C. Ag , Cu , Al , Fe .
- D. Fe , Al , Ag , Cu .

Câu 9: Để trung hòa 50 gam dung dịch HCl 3,65% cần vừa đủ m gam dung dịch NaOH 4%. Giá trị của m bằng: ($\text{H} = 1$, $\text{Cl} = 35,5$, $\text{Na} = 23$, $\text{O} = 16$)

- A. 100
- B. 75
- C. 25
- D. 50

Câu 10: CaO tác dụng được với CO_2 vì:

- A. CaO là chất oxi hóa, còn CO_2 là chất khử.
- B. CaO là oxit bazơ, còn CO_2 là oxit axit.
- C. tạo ra CaCO_3 không tan trong nước.
- D. CaO và CO_2 đều tan được trong nước.

Câu 11: Trong một loại oxit sắt, người ta xác định được thành phần của sắt theo khối lượng là 70%. Công thức của oxit sắt đó là: ($\text{Fe} = 56$, $\text{O} = 16$)

- A. FeO
- B. Fe_2O_3
- C. Fe_3O_4
- D. Fe_2O_3 hay Fe_3O_4 .

Câu 12: Tính chất nào sau đây nói lên Na có tính kim loại mạnh hơn Mg ?

- A. Mg không cháy trong không khí còn Na cháy được.
- B. Mg không tác dụng với dung dịch axit còn Na tác dụng.
- C. Na tác dụng được với Cl_2 còn Mg thì không.
- D. Ở điều kiện thường Na tác dụng được với nước còn Mg thì không.

Câu 13: Để phản ứng giữa một bazơ với muối xảy ra thì:

- A.chất tạo thành phải không tan trong nước.
- B.dung dịch tạo ra phải có pH bé hơn 7.
- C.chất tạo thành phải làm quỳ tím hóa xanh.
- D.chất tạo thành phải không phải là chất khí.

Câu 14: lưu huỳnh đioxit được tạo thành từ cặp chất nào sau đây?

- A.CaSO₃ và HCl
- B.CaSO₄ và HCl
- C.CaSO₃ và NaOH
- D.CaSO₃ và NaCl.

Câu 15: Sự chuyển hóa trực tiếp nào sau đây không hợp lí?

- A.Fe₂O₃ → Fe(NO₃)₃ → Fe(OH)₃
- B.Fe(OH)₃ → Fe₂O₃ → Fe₂(SO₄)₃
- C.Fe₂(SO₄)₃ → FeCl₃ → Fe(OH)₃
- D.Fe(NO₃)₃ → Fe₂(SO₄)₃ → Fe₂O₃

Câu 16: Người ta có thể loại bỏ bột nhôm lẫn vào bột magie bằng cách dùng:

- A.dung dịch HCl dư
- B.MgCl₂ dư.
- C.dung dịch NaOH dư.
- D.dung dịch CuSO₄.

Câu 17: Dãy chất nào sau đây chỉ gồm các oxit bazơ?

- A.CuO, CO, Mg, CaO.
- B.CuO, CaO, MgO, Na₂O.
- C.CaO, CO₂, K₂O, Na₂O.
- D.K₂O, MnO, FeO, NO.

Câu 18: Lượng BaO cần cho vào nước để được 50 gam dung dịch Ba(OH)₂ 3,42% là (Ba = 137, H = 1, O = 16)

- A.2,29gam
- B.1,37 gam
- C.3,06 gam
- D.1,53 gam.

Câu 19: Đơn chất nào sau đây tác dụng với dung dịch H₂SO₄ loãng sinh ra chất khí?

- A.Cacbon
- B.Sắt
- C.Đồng
- D.Bạc

Câu 20. Dãy nào sau đây gồm các chất đều phản ứng với dung dịch NaOH (dw) tạo sản phẩm chỉ là dung dịch không màu?

- A.H₂SO₄, CO₂, FeCl₂.
- B.SO₂, CuCl₂, HCl
- C.SO₂, HCl, NaHCO₃.

D. $ZnSO_4$, $FeCl_3$, SO_2 .

----- HẾT -----
ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI

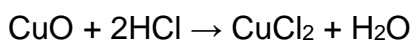
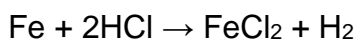
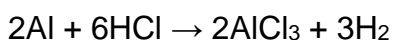
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	C	A	A	B	A	C	A	D	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	D	A	A	D	C	B	D	B	C

2. Lời giải

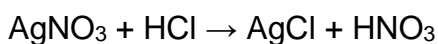
Câu 1: (B)

Cu không tác dụng với dung dịch HCl.

Câu 2: (C)

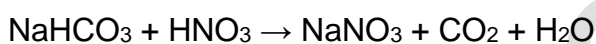


Câu 3: (A)



Sau phản ứng có dung dịch HNO_3 làm quỳ tím hóa đỏ.

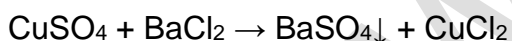
Câu 4: (A)



$$n_{NaHCO_3} = 12,6/84 = 0,15 \text{ mol}$$

$$\Rightarrow n_{CO_2} = 0,15 \text{ mol.}$$

Câu 5: (B)



Câu 6: (A)



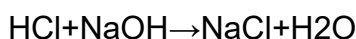
Câu 7: (C)

Zn, Cu, Fe là các kim loại, oxit của chúng có tính bazơ nên tác dụng được với dung dịch axit.

Câu 8: (A)

Theo dãy hoạt động hóa học của kim loại: Al hoạt động hơn Fe, Fe hoạt động hơn Cu, Cu hoạt động hơn Ag.

Câu 9: (D)



$$n_{HCl} = (50.3,65)/(100.36,5) = 0,05 \text{ mol}$$

$$\Rightarrow n_{NaOH} = 0,05 \text{ mol.}$$

$$\Rightarrow m_{NaOH} = 0,05.40 = 2 \text{ gam}$$

Câu 10: (B)

CaO là oxit bazơ vì Ca là kim loại, CO₂ là oxit axit vì C là phi kim.

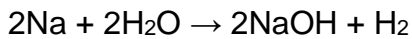
Câu 11: (B)

Fe_xO_y

$$\Rightarrow x : y = 7056 : 3016 = 1,25 : 1,875 = 2:3$$

Công thức của oxit sắt là Fe₂O₃.

Câu 12: (D)



Câu 13: (A)



Câu 14: (A)



Câu 15: (D)

Fe(NO₃)₃ không có phản ứng trực tiếp tạo ra Fe₂(SO₄)₃.

Fe₂(SO₄)₃ không có phản ứng trực tiếp tạo ra Fe₂O₃.

Câu 16: (C)

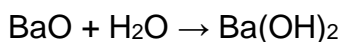
Nhôm tan được trong dung dịch NaOH.

Magie không tan được trong dung dịch NaOH.

Câu 17: (B)

Đó là dãy các oxit của kim loại.

Câu 18: (D)



$$m_{\text{Ba(OH)}_2} = (50.3,42)/100 = 1,71 \text{ gam}$$

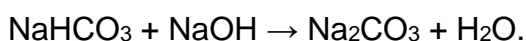
$$\Rightarrow m_{\text{BaO}} = (1,71/171).153 = 1,53 \text{ gam.}$$

Câu 19: (B)

C, Cu, Ag không tác dụng với dung dịch H₂SO₄ loãng.



Câu 20: (C)



Các dung dịch NaHSO₃, NaCl, Na₂CO₃ đều không màu.

Các dung dịch FeCl₂, CuCl₂, ZnSO₄, FeCl₃ phản ứng với dung dịch NaOH tạo ra các chất kết tủa có màu.

10. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Hóa học 9 số 10

SỞ GD&ĐT HÀ TĨNH
TRƯỜNG THCS VÕ THỊ SÁU

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT CHƯƠNG 1
MÔN: HÓA HỌC - LỚP 9

- A.Cu
C.AI
- B.Ag
D. Fe

Câu 17: Chất dùng để nhận biết dung dịch H_2SO_4 đặc, nguội và dung dịch HCl là:

- A.Fe
C.NaOH
- B.Cu
D. Na_2O .

Câu 18: Dãy nào sau đây gồm các chất đều phản ứng với dung dịch HCl tạo sản phẩm có chất khí?

- A.NaOH, Al, Zn.
B. $\text{Fe}(\text{OH})_2$, Fe, MgCO_3 .
C. CaCO_3 , Al_2O_3 , K_2SO_3 .
D. BaCO_3 , Mg, K_2SO_3 .

Câu 19: Trường hợp nào sau đây có phản ứng tạo ra sản phẩm là chất kết tủa màu xanh?

- A. Cho Al vào dung dịch HCl.
B. Cho Zn vào dung dịch AgNO_3 .
C. Cho dung dịch KOH vào dung dịch FeCl_3 .
D. Cho dung dịch NaOH vào dung dịch Cu

Câu 20: Dùng dung dịch nào sau đây để làm sạch Cu lẫn Al, Fe ở dạng bột?

- A. H_2SO_4 loãng dư.
B. FeCl_2
C. CuSO_4
D. AgNO_3 .

----- HẾT -----

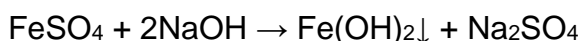
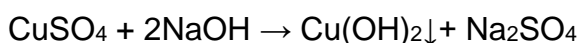
ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI

1. Đáp án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	D	C	A	C	D	D	A	D
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	B	C	D	A	B	A	D	D	A

2. Lời giải

Câu 1: (A)

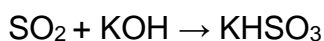


K_2CO_3 không tác dụng với dung dịch NaOH do sản phẩm tạo thành là các chất tan được.

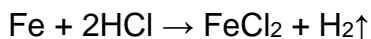
Câu 2: (C)

Khi tỉ lệ: $1 < n\text{KOH}/n\text{SO}_2 < 2$ thì sản phẩm là hỗn hợp 2 muối:

Phương trình hóa học:



Câu 3: (D)



$$n_{\text{Fe}} = 5,6/56 = 0,1 \text{ mol}$$

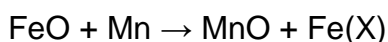
$$\Rightarrow n_{\text{H}_2} = 0,1 \text{ mol}$$

$$\Rightarrow V_{\text{H}_2} = 0,1 \cdot 22,4 = 2,24 \text{ l (đktc)}.$$

Câu 4: (C)



Câu 5: (A)



Câu 6: (C)

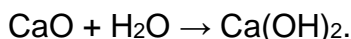


$$m_{\text{H}_2\text{SO}_4} = (92 \cdot 10)/100 + (8 \cdot 98)/80 = 19 \text{ gam}.$$

$$m_{\text{ddH}_2\text{SO}_4} = 8 + 92 = 100 \text{ gam}$$

$$\Rightarrow \text{C}\% = (19/100) \cdot 100\% = 19\%.$$

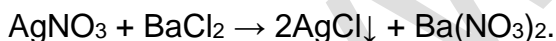
Câu 7: (D)



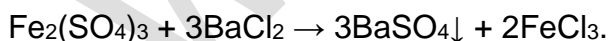
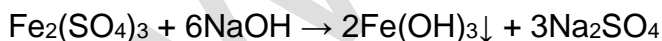
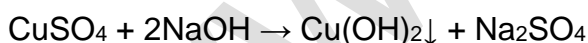
Ca(OH)_2 chỉ tan một phần tạo ra dung dịch Ca(OH)_2 , phần lớn không tan.

Câu 8: (D)

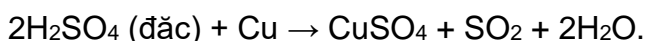
Quỳ tím trong dung dịch Ba(OH)_2 hóa xanh.



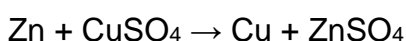
Câu 9: (A)



Câu 10: (D)



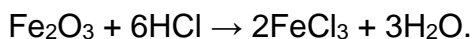
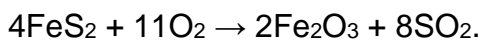
Câu 11: (B)



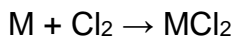
Cứ 65 gam Zn tan vào dung dịch chỉ tạo ra 64 gam Cu.

Nên khối lượng dung dịch tăng.

Câu 12: (B)

**Câu 13: (C)**

Theo dãy hoạt động hóa học của kim loại.

Câu 14: (D)

$$n_{\text{Cl}_2} = 6,72/22,4 = 0,3\text{mol}$$

$$\Rightarrow n_{\text{MCl}_2} = 0,3\text{mol}$$

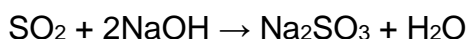
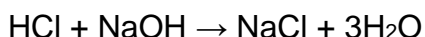
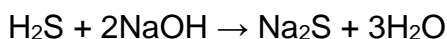
$$\Rightarrow \text{M} + 71 = 28,5/0,3 = 95.$$

$$\Rightarrow \text{M} = 95 - 71 = 24.$$

Do đó M là Mg.

Câu 15: (A)

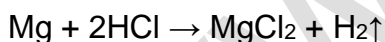
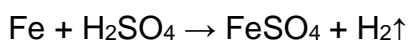
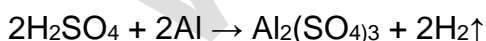
H_2S , HCl , SO_2 đều được giữ lại trong dung dịch NaOH dư (tạo muối không bay ra khỏi dung dịch)



*Giấy lọc có tấm dung dịch NaOH không giữ hết các khí thu được.

Câu 16: (B) Ag**Câu 17: (A)**

H_2SO_4 đặc nguội Fe bị thụ động.

Câu 18: (D)**Câu 19: (D)****Câu 20: (A)**

Cu không tác dụng với dung dịch H_2SO_4 loãng.